

GIÁN ĐOẠN CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU VÀ HỆ QUẢ ĐỐI VỚI  
THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Trần Thị Bích Ngọc

*Trường Kinh tế, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam*

Bùi Thị Lý<sup>1</sup>

*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

Trịnh Thị Thu Hương

*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

Ngày nhận: 23/04/2025; Ngày hoàn thành biên tập: 26/06/2025; Ngày duyệt đăng: 28/07/2025

DOI: <https://doi.org/10.38203/jiem.vi.042025.1285>

**Tóm tắt:** Bài viết nhằm làm rõ những hệ quả từ sự đứt gãy của chuỗi cung ứng toàn cầu đối với dòng vốn FDI, hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu cũng như xuất nhập khẩu của Việt Nam. Dữ liệu từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong giai đoạn 2015-2024 được phân tích bằng phương pháp định tính. Kết quả cho thấy các biến đổi khó lường từ địa chính trị, thiên tai, dịch bệnh, xung đột quân sự cho đến các xu hướng bảo hộ trong thương mại quốc tế mà một số quốc gia đang theo đuổi tác động trực tiếp tới thị trường toàn cầu, gây đứt gãy chuỗi cung ứng và biến động dòng vốn FDI, làm tổn thương cho xuất nhập khẩu Việt Nam. Các giải pháp đề xuất trong nghiên cứu này nhằm nâng cao tính bền vững của chuỗi cung ứng, tăng giá trị đóng góp của xuất khẩu và đẩy mạnh chiến lược thay thế nhập khẩu, hướng tới nhu cầu thị trường nội địa và ổn định tăng trưởng kinh tế.

**Từ khóa:** Chuỗi cung ứng, Tăng trưởng xuất khẩu, Thị trường bên ngoài, Xuất nhập khẩu

**DISRUPTIONS IN GLOBAL SUPPLY CHAINS AND THEIR IMPACTS ON VIETNAM'S INTERNATIONAL TRADE**

**Abstract:** The article examines the effects of global supply chain disruptions on foreign direct investment capital flows, export production activities and Vietnam's import and export activities. This study utilizes qualitative research methods to analyze data from various sources, including the General Statistics Office, the General Department of Vietnam Customs, the Ministry of Planning and Investment, and the Ministry of Finance for the years 2015 to 2024. The findings indicate

<sup>1</sup> Tác giả liên hệ, Email: [lybt@ftu.edu.vn](mailto:lybt@ftu.edu.vn)

that unpredictable changes stemming from geopolitics, natural disasters, epidemics, military conflicts, and the protectionist trends adopted by some countries directly impact the global market. These factors disrupt the global supply chain, resulting in fluctuations in foreign direct investment (FDI) capital flows, which negatively affect Vietnam's import and export activities. The proposed solutions aim to enhance the sustainability of the supply chain, increase the value of export contributions, and promote import substitution strategies that align with domestic market demand and stabilizing economic growth.

**Keywords:** Supply Chain, Export Growth, External Market, Import and Export

---

## 1. Giới thiệu

Chuỗi cung ứng toàn cầu đã và đang đối diện với những rủi ro và gián đoạn vô cùng nghiêm trọng với nhiều nguyên nhân phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, sự thay đổi về địa-chính trị, khả năng tiếp cận nguồn cung ứng nguyên-vật liệu và nguồn lao động, thay đổi điều kiện thương mại do chính sách bảo hộ, vận tải, tiến bộ công nghệ trên toàn cầu được xem như những yếu tố tác động đến chuỗi cung ứng toàn cầu (Advisen, 2013; Kanike, 2023).

Trong những năm gần đây, thế giới đã trải qua những biến động lớn với những hậu quả nghiêm trọng. Dẫn cách xã hội và các lệnh phong tỏa trên quy mô toàn cầu do đại dịch Covid-19 đã làm tê liệt hầu hết các kênh cung ứng, làm lộ ra những điểm yếu trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Sau đó, cuộc xung đột Nga-Ukraine đầu năm 2022 và phản ứng sau đó từ Hoa Kỳ cùng các đồng minh thông qua trên 22.000 lệnh trừng phạt toàn diện lên mọi lĩnh vực của Nga làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt là chuỗi cung ứng năng lượng, phân bón, lương thực và các nguyên liệu quý hiếm từ Nga (Azimzhan, 2024). Chuỗi cung ứng của nhiều ngành, lĩnh vực và hậu cần (Logistics) trên toàn cầu chịu nhiều rủi ro bởi cuộc xung đột này (Ben & El, 2022).

Chính sách bảo hộ thông qua hàng rào thuế quan cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến chuỗi cung ứng toàn cầu bởi nó cản trở dòng chảy của hàng hóa và dịch vụ. Gần đây nhất, ngày 2 tháng 4 năm 2025, Hoa Kỳ đã công bố áp biểu thuế đối ứng đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước và nhóm nước có quan hệ thương mại với mức từ 10% lên tới trên 50%. Đáng chú ý, các nước đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á như Việt Nam, Lào và Campuchia cũng bị ảnh hưởng nặng nề, với mức thuế lần lượt là 46%, 48% và 49%, làm dấy lên mối lo ngại lớn đối với các doanh nghiệp về khả năng cạnh tranh và tiêu thụ của sản phẩm tại thị trường Hoa Kỳ (Lazaro, 2025). Biểu thuế đối ứng này, theo nhiều nhà phân tích, đe dọa tính bền vững của chuỗi cung ứng toàn cầu, cản trở hoạt động thương mại quốc tế và có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trên quy mô toàn cầu (Jeff, 2025). Ngoài ra, theo Lê (2025), phản ứng dây chuyền từ các quốc gia bị ảnh hưởng có thể biến thành một cuộc chiến thương mại toàn cầu mới với quy mô lớn và những hậu quả khó lường.

Bối cảnh này càng cho thấy sự cần thiết của việc nghiên cứu ảnh hưởng của sự gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong điều kiện một thế giới đang biến động sâu sắc. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, bài viết tập trung vào xem xét ảnh hưởng của đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu đến xuất nhập khẩu của Việt Nam thông qua các cú sốc trên thị trường xuất nhập khẩu chính của Việt Nam.

Cấu trúc bài viết gồm 6 phần. Sau phần giới thiệu, phần 2 trình bày tổng quan nghiên

cứu. Tiếp đó, phần 3 viết về phương pháp nghiên cứu. Phần 4 đưa ra các kết quả nghiên cứu. Phần 5 thảo luận các kết quả nghiên cứu và hàm ý chính sách. Cuối cùng, phần 6 đưa ra kết luận.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Chuỗi cung ứng từ lâu đã trở thành chủ đề quan trọng, được định nghĩa khác nhau tùy theo cách tiếp cận. Ở góc độ sản xuất, chuỗi cung ứng được xem như là một quy trình sản xuất có cấu trúc, trong đó nguyên liệu thô được chuyển đổi thành hàng hóa thành phẩm, sau đó giao cho khách hàng cuối cùng (Beamon, 1998). Chuỗi cung ứng cũng được hiểu là một sự kết hợp các nguồn lực với các quy trình bắt đầu từ nguyên liệu thô và kết thúc với việc vận chuyển chúng đến người dùng cuối cùng (Bridgefield Group, 2006). Các định nghĩa này ám chỉ nguồn gốc và đích đến của dòng chảy hàng hóa, xem chuỗi cung ứng như một quy trình bắt đầu từ nguyên liệu thô, thông qua hoạt động sản xuất tạo thêm giá trị và cung cấp hàng hóa thành phẩm cho người tiêu dùng.

Từ góc độ khác, khái niệm về chuỗi cung ứng được mở rộng hơn, là nhóm các nhà sản xuất, nhà cung cấp, nhà phân phối, nhà bán lẻ và các nhà cung cấp thông tin, dịch vụ logistic khác tham gia vào việc cung cấp hàng hóa cho người tiêu dùng, tức là nó bao gồm các mối liên kết hợp tác bên trong và bên ngoài (Chow & cộng sự, 1994). Khi nghiên cứu khái niệm quản lý chuỗi cung ứng trong các kênh tiếp thị, Kozlenkova & cộng sự (2015) đã cho rằng xét từ góc độ thương mại, chuỗi cung ứng là một hệ thống các tổ chức, con người, hoạt động, thông tin và các nguồn lực liên quan đến việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho người tiêu dùng.

Trong các tài liệu hiện nay, chuỗi cung ứng được định nghĩa như mạng lưới các tổ chức, quy trình và hoạt động được kết nối với nhau để tạo ra và giao sản phẩm hoặc dịch vụ cho khách hàng cuối cùng. Dù khái niệm đưa ra từ góc độ nào, chuỗi cung ứng cũng đều gồm các hoạt động chính. Thứ nhất là tìm nguồn cung ứng như: xác định và mua nguyên liệu thô và linh kiện. Thứ hai là sản xuất, cụ thể: chuyển đổi nguyên liệu thô thành sản phẩm hoàn thiện. Thứ ba là kho bãi, như lưu giữ và quản lý hàng tồn. Cuối cùng là phân phối, cụ thể là đưa sản phẩm hoàn thiện đến khách hàng cuối cùng (UNCTAD, 2013).

Chuỗi cung ứng đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các chuỗi giá trị thông qua mối liên kết tất cả các quy trình tạo ra giá trị trong một tổ chức, từ việc mua nguyên liệu thô từ nhà cung cấp đến việc giao sản phẩm cuối cùng cho khách hàng. Do đó, bất kỳ thay đổi nào về cung và cầu trên thị trường hay của các bên tham gia, hoặc sự biến dạng về mặt cấu trúc trong chuỗi cung ứng đều dẫn đến gián đoạn sản xuất, gây ra những thiệt hại không thể lường trước (Advisen, 2013; Kanike, 2023; Hong & cộng sự, 2025).

Chuỗi cung ứng toàn cầu là một hệ thống phức tạp và tương tác của các hoạt động sản xuất, vận chuyển và phân phối hàng hóa trên toàn thế giới. Nó cũng bao gồm các thành phần quan trọng như nguồn cung cấp và sản xuất, vận chuyển và giao nhận, lưu trữ và quản lý kho, cũng như phân phối và bán lẻ. Mỗi thành phần đóng góp vào quá trình chuyển đổi và chuyển giao hàng hóa. Đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu được coi như là hiện tượng một hoặc nhiều khâu trong chuỗi cung ứng bị gián đoạn bởi nhiều nguyên nhân, làm ảnh hưởng đến sự vận hành liên tục của toàn bộ hệ thống chuỗi cung ứng (Katarzyna & Agnieszka, 2022). Theo UNCTAD (2013), trong bối cảnh hợp tác quốc tế sâu rộng, các chuỗi cung ứng toàn cầu có cấu trúc khác nhau tùy thuộc vào ba yếu tố

chính, cụ thể là địa lý và bản chất của các mối liên kết giữa các nhiệm vụ trong chuỗi, sự phân bổ quyền lực giữa các công ty xuyên quốc gia và các tác nhân khác trong chuỗi và vai trò của các thể chế và chính sách của chính phủ trong việc cấu trúc các mối quan hệ kinh doanh và vị trí đặt các cơ sở công nghiệp.

Thương mại quốc tế là hoạt động trao đổi hàng hóa và dịch vụ xuyên biên giới quốc gia. Thương mại quốc tế cho phép các nhà sản xuất và nhà phân phối tìm kiếm các sản phẩm, dịch vụ và linh kiện được sản xuất ở nước ngoài hoặc các công nghệ tiên tiến và các nguồn lực không có sẵn ở trong nước để có lợi thế về chi phí (Belay, 2009). Động lực thúc đẩy thương mại quốc tế chính là xuất nhập khẩu. Xuất nhập khẩu được hiểu là hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa giữa các doanh nghiệp ở các quốc gia với nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ qua biên giới quốc gia, tạo ra việc làm và củng cố nền kinh tế các bên tham gia. Các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu có thể mở rộng phạm vi thị trường, đa dạng hóa nguồn thu nhập và có nhiều lợi ích khác (Shreyans & Abhishek, 2024).

Chuỗi cung ứng và xuất nhập khẩu có vị trí quan trọng trong chiến lược hoạt động của các doanh nghiệp để tăng cường khả năng cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng ổn định, nhất là đối với các công ty xuyên quốc gia. Quá trình tự do hóa các giao dịch xuyên biên giới, những tiến bộ trong công nghệ sản xuất, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), cùng với sự cải thiện trong dịch vụ Logistics đã tạo cho các công ty xuyên quốc gia động lực phân mảnh các quy trình sản xuất và phân tán chúng về mặt địa lý. Bằng cách di dời các quy trình sản xuất, từ việc nghiên cứu phát triển sản phẩm, sản xuất, đóng gói đến tiếp thị, phân phối và bán lẻ sang các quốc gia khác, các công ty xuyên quốc gia có thể tận dụng nguồn nhân lực hoặc nguồn lực vật chất tốt nhất có sẵn ở các quốc gia khác nhau, nhằm giảm thiểu chi phí và duy trì khả năng cạnh tranh (UNCTAD, 2013).

Đối với các nước đang phát triển và các doanh nghiệp ở các nước này, việc hội nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu đã trở thành một trụ cột quan trọng trong chiến lược tăng trưởng dựa vào xuất khẩu (Export-led Growth) của họ. Sự tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu đem lại những cơ hội và tiềm năng lớn, cho phép các nhà sản xuất trong chuỗi có được bí quyết quản lý, công nghệ hiện đại và thông tin thực tế về tiêu chuẩn chất lượng và công nghệ nhằm hoàn thiện năng lực sản xuất và đa dạng hóa xuất khẩu để có nhiều giá trị gia tăng hơn, do đó trở nên cạnh tranh hơn, tăng sức hấp dẫn đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Ở các nước đang phát triển lựa chọn mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu, nền kinh tế thường có độ mở khá cao. Độ mở của nền kinh tế (tỷ trọng của xuất nhập khẩu trên tổng sản phẩm quốc nội (GDP) được xem như quá trình liên tục và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia thông qua việc gia tăng khối lượng và đa dạng hóa các giao dịch hàng hóa, dịch vụ xuyên biên giới, các dòng vốn quốc tế cũng như sự phổ biến công nghệ tiên tiến và thông tin (Fischer, 2003). Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao, thể hiện mức độ tham gia vào hội nhập kinh tế toàn cầu. Nếu năm 2016, độ mở của nền kinh tế nước ta đạt 184,7% thì từ năm 2018 đến năm 2020 ở mức 208,3% (TCTK, 2021).

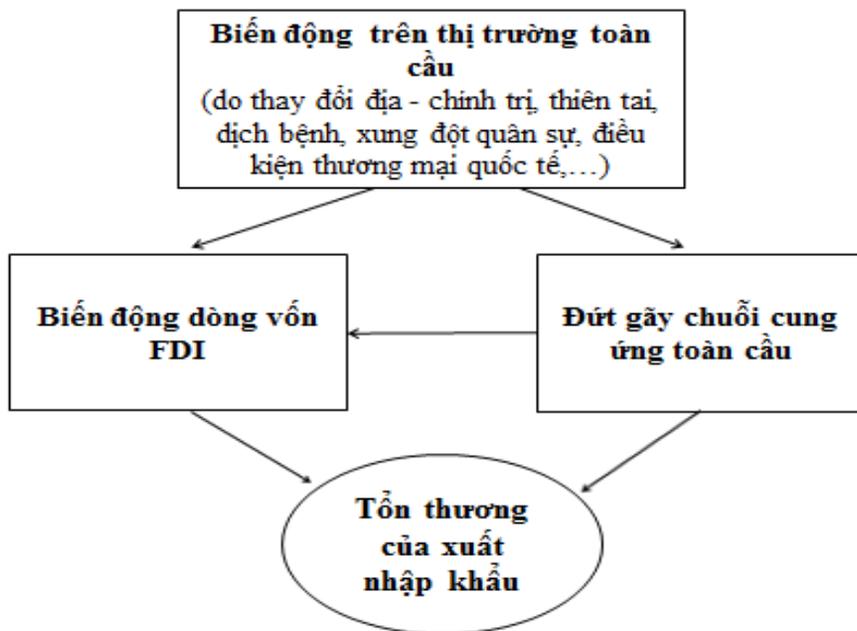
Mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu áp dụng trong hơn 30 năm đã có đóng góp nhất định cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Mối quan hệ giữa xuất khẩu và mô hình tăng trưởng này có tính tích cực, thuận chiều và đã được kiểm chứng trong nghiên cứu của Công (2011); tính hiệu quả cũng như sự phụ thuộc của xuất nhập khẩu Việt Nam vào thị

trường Hoa Kỳ và Trung Quốc được trình bày trong các nghiên cứu của Chaponnière & Cling (2009); Hoa & cộng sự (2024) trong nghiên cứu của mình đã mô tả các yếu tố của mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu trong giai đoạn hiện nay và kết luận nó phụ thuộc nhiều vào nhu cầu thị trường bên ngoài.

Các nghiên cứu trên đã chứng minh sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế cũng như sự linh hoạt khi áp dụng mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu trong điều kiện của Việt Nam. Tuy nhiên, khi gắn kết quả xuất nhập khẩu của Việt Nam với chuỗi cung ứng toàn cầu thông qua các yếu tố liên quan đến FDI và các doanh nghiệp FDI ở một số thời điểm, có thể nhận thấy rằng xuất nhập khẩu của Việt Nam phụ thuộc vào biến động của thị trường bên ngoài do những thay đổi đang diễn ra trên toàn cầu và dòng vốn FDI và hoạt động của doanh nghiệp FDI. Từ đó, trong trường hợp của Việt Nam - quốc gia đang áp dụng chiến lược tăng trưởng dựa vào xuất khẩu với độ mở của nền kinh tế cao, các giả thuyết được đề xuất như sau:

*H1: Biến động thị trường toàn cầu gây đứt gãy chuỗi cung ứng và biến động dòng vốn FDI, gây tổn thương cho xuất nhập khẩu Việt Nam.*

*H2: Đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và biến động dòng vốn FDI, làm tổn thương xuất nhập khẩu.*



**Hình 1. Mô hình nghiên cứu**

*Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả*

Biến động của thị trường bên ngoài là kết quả của những thay đổi địa - chính trị, thiên tai, dịch bệnh, xung đột quân sự và xu hướng áp đặt các điều kiện thương mại quốc tế mà một số quốc gia hay nhóm quốc gia hiện đang theo đuổi. Từ mô hình trên, nghiên cứu chú trọng vào các vấn đề như tác động của đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do các biến động trên thế giới đến nhu cầu trên thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam và sự phụ thuộc

của xuất nhập khẩu Việt Nam vào khu vực kinh tế có vốn FDI.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng bao gồm thu thập, phân tích dữ liệu thứ cấp từ các nguồn thứ cấp từ các nghiên cứu khoa học liên quan được công bố trước đó và số liệu thống kê từ các nguồn chính thống như Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan Việt Nam, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài chính công bố trong giai đoạn 2015-2024.

Phương pháp tổng hợp và diễn giải được sử dụng trong phần giới thiệu và tổng quan tài liệu để tóm lược một số vấn đề lý luận về chuỗi cung ứng, thương mại quốc tế, mối liên quan của chúng với nhau nói chung và trường hợp của Việt Nam nói riêng, từ đó đưa ra mô hình nghiên cứu. Trong quá trình phân tích kết quả nghiên cứu, các phương pháp thống kê mô tả và phân tích so sánh dữ liệu đã được vận dụng nhằm kiểm chứng giả thuyết, đồng thời làm cơ sở đề xuất các khuyến nghị phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1 Kết quả hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam

Trong những năm qua, xuất nhập khẩu của Việt Nam có sự tăng trưởng nhanh chóng, đạt được thành tựu to lớn và đóng vai trò trụ cột cho tăng trưởng và hội nhập quốc tế. Xuất khẩu là động lực cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam, tạo ra dự trữ ngoại hối quan trọng để trang trải nhu cầu nhập khẩu, tạo việc làm và thu nhập, thu hút vốn FDI, góp phần chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và chuỗi cung ứng trong nước, mở rộng thị trường, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế, tăng nguồn thu ngân sách, thay đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia và doanh nghiệp, nâng tầm thương hiệu Việt Nam (Đặng, 2006).

Ngoài ra, xuất khẩu kích thích sản xuất các mặt hàng xuất khẩu chủ lực tại các địa phương, vùng miền của Việt Nam, qua đó tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập và khẳng định vị thế của đất nước trong quá trình hội nhập kinh tế và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Kết quả của hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam trong 10 năm qua được trình bày trong Bảng 1.

**Bảng 1. Tổng hợp kết quả hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam giai đoạn 2015-2024**

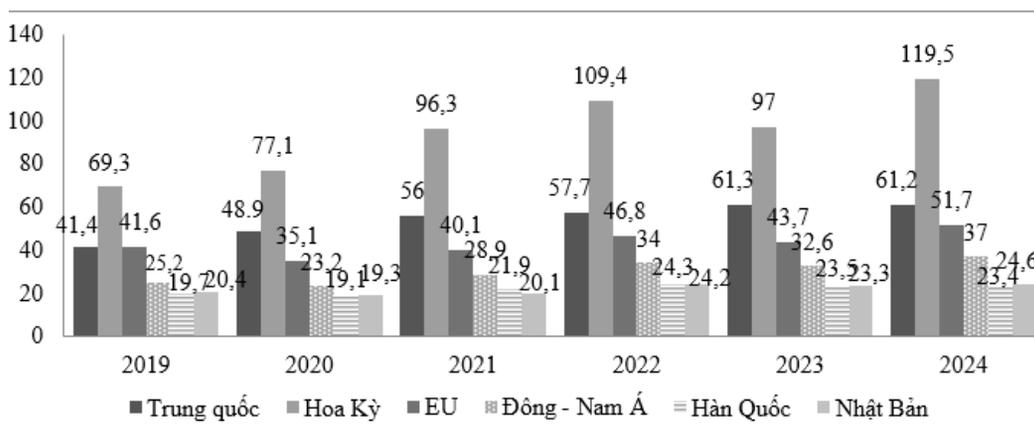
	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
	Chung cả nước									
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	327,8	351,4	428,1	458,8	517,7	545,4	669,1	713,3	681,1	786,3
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	162,2	176,6	215,1	243,7	264,3	282,7	336,3	371,7	354,7	405,5
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	165,6	174,8	213,0	215,1	253,4	262,7	332,8	359,6	326,4	380,8
Xuất siêu	-3,4	1,8	2,1	28,6	10,9	20,0	3,5	12,1	28,3	24,9

**Bảng 1. Tổng hợp kết quả hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam giai đoạn 2015-2024**  
(tiếp theo)

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	10,4	8,9	21,8	13,3	8,4	7,0	19,0	12,1	-4,6	14,3
GDP (tỷ USD)	239,3	257,1	281,4	310,1	334,4	346,6	366,1	408,8	429,7	476,3
% đóng góp trong GDP	–	0,7	0,75	9,2	3,26	5,8	0,96	3,3	6,6	5,2
Trong đó các doanh nghiệp vốn FDI										
Giá trị xuất khẩu (tỷ USD)	105,8	123,9	152,6	171,8	183,2	202,9	245,1	273,6	257,2	289,2
Giá trị nhập khẩu (tỷ USD)	97,3	102,4	127,8	141,9	142,7	169,0	218,5	233,2	209,1	240,7
Tỷ lệ giá trị xuất khẩu với kim ngạch xuất khẩu chung cả nước	65,3	70,1	70,9	70,5	72,3	71,8	72,9	73,6	72,5	71,3

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, ASEAN, Hàn Quốc và Nhật Bản là các thị trường xuất nhập khẩu quan trọng nhất của Việt Nam.

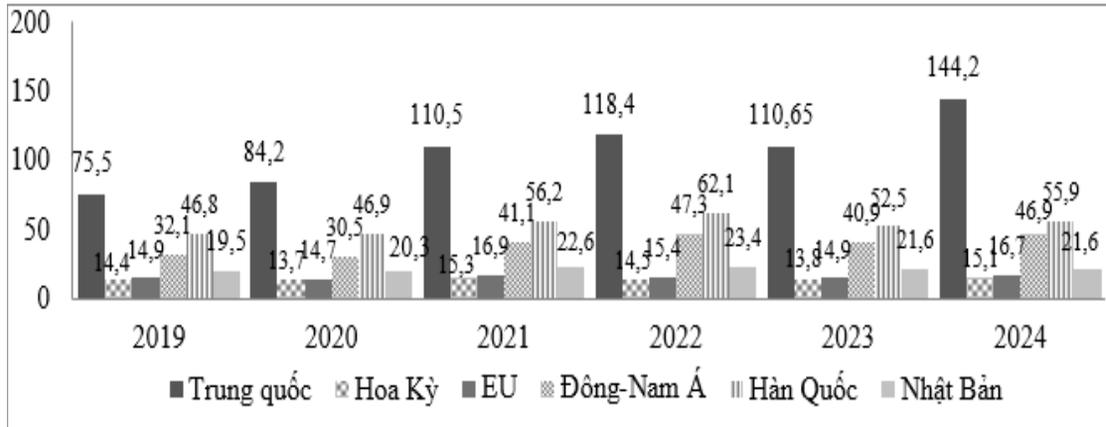


**Hình 2. Giá trị xuất khẩu Việt Nam vào các thị trường chính, 2019-2024 (tỷ USD)**

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Chỉ riêng năm 2024, Trung Quốc giữ vững là thị trường có quan hệ thương mại hai chiều lớn nhất, đạt 205,4 tỷ USD; Hoa Kỳ đứng ở vị trí thứ 2 với 134,6 tỷ USD; ASEAN đạt 83,9 tỷ USD; Hàn Quốc đạt 81,8 tỷ USD; toàn bộ thị trường EU đạt 68,4 tỷ USD;

Nhật Bản đạt 46,2 tỷ USD (Hình 2 và Hình 3).



**Hình 3. Giá trị nhập khẩu Việt Nam từ các thị trường chính, 2019-2024 (tỷ USD)**

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

Số liệu trong Hình 2 và Hình 3 cho thấy hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam phụ thuộc vào các thị trường nói trên. Sự thay đổi nhu cầu và nguồn cung từ các thị trường chính này gây gián đoạn chuỗi cung ứng, tác động trực tiếp đến kết quả và hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam.

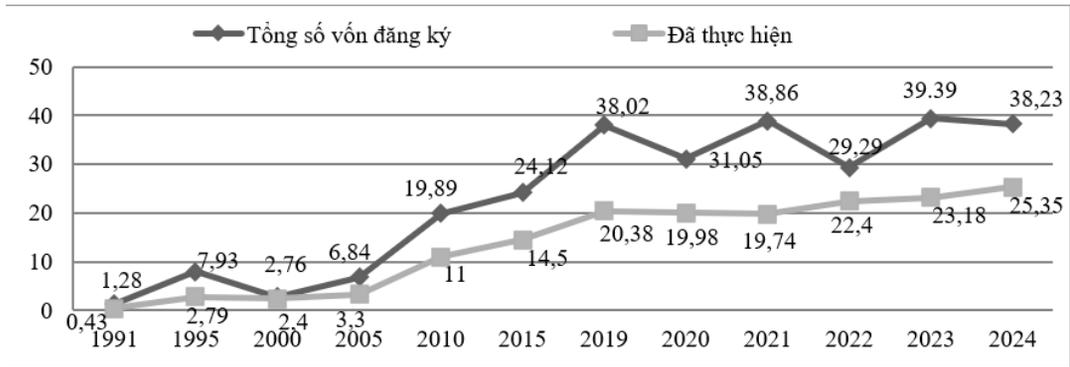
#### **4.2 Tác động của gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu đến thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam**

Trong bối cảnh hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay, chuỗi cung ứng càng hiện đại và phức tạp thì thương mại quốc tế càng chịu những rủi ro lớn (Advisen, 2013). Sự gián đoạn của chuỗi cung ứng toàn cầu biểu hiện qua lạm phát, biến động chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ ở khắp các ngành khác nhau bởi sự kết hợp của các cú sốc cung và cầu, tức là mức tăng giá lớn do không thể đáp ứng kịp nhu cầu (Matthew & Todd, 2023).

Trong giai đoạn 2019-2025, khi thế giới vừa trải qua một đại dịch Covid-19 đầy khó khăn và mới chỉ bước vào giai đoạn phục hồi, cuộc xung đột Nga-Ukraine bất ngờ nổ ra vào tháng 2 năm 2022, giáng một đòn nặng nề vào nền kinh tế toàn cầu vốn bị kiệt quệ trong hai năm đại dịch Covid-19 trước đó. Cuộc xung đột này, cùng với nó là các lệnh trừng phạt toàn diện của Hoa Kỳ, các nước EU cùng đồng minh của họ lên Nga, đã ngay lập tức làm đứt gãy một loạt chuỗi cung ứng mà Nga và Ukraine là những mắt xích cốt lõi. Chuỗi cung ứng của hơn 600.000 doanh nghiệp toàn thế giới phụ thuộc vào các nhà cung cấp có trụ sở tại Nga và Ukraine bị đứt gãy (Noble, 2022). Các lệnh trừng phạt này phá vỡ quan hệ hợp tác trên mọi lĩnh vực, nhất là việc phong tỏa mọi nguồn cung cấp nguyên vật liệu cần thiết và nguồn năng lượng từ Nga cho thị trường EU cũng như các thị trường khác, làm trầm trọng thêm một loạt các vấn đề như khủng hoảng năng lượng, lương thực, nguyên vật liệu cơ bản, Logistics mà thế giới đang phải đối mặt, cũng như gây ra suy thoái và lạm phát ở các thị trường xuất nhập khẩu quan trọng nhất của Việt Nam như EU, Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Các số liệu trong Hình 4 cho thấy thực tế về mức độ lạm phát ở các nước EU, Hoa Kỳ

và Trung Quốc ở các thời điểm xảy ra đại dịch và cuộc xung đột Nga-Ukraine với độ trễ nhất định. Tại EU, nếu như năm 2015 tỷ lệ này ở mức thấp 0,1%, tăng dần vào những năm 2016-2017 và đột biến lên tới 2,9% vào năm 2021 do hệ quả của hậu đại dịch Covid-19, thì cuộc xung đột Nga-Ukraine đã làm tỷ lệ lạm phát và đạt mức cao lịch sử với 9,2% vào 2022 (Eurostat, 2024).



**Hình 4. Tỷ lệ lạm phát tại EU, Hoa Kỳ và Trung Quốc giai đoạn 2015-2024**

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

Ở Hoa Kỳ, trong thời kỳ đỉnh đại dịch Covid-19, tỷ lệ lạm phát các năm 2021, 2022 lần lượt là 4,7% và 8,0%; mức lạm phát hàng năm ghi nhận được sau khi nổ ra xung đột quân sự Nga-Ukraine vào các năm 2023-2024 tuy có giảm, với mức 4,1% và 2,9% nhưng cao hơn trung bình 1,8% của giai đoạn 2015-2019 (Inflation Calculator, 2024). Chi phí sinh hoạt đắt đỏ và các chính sách thắt chặt tiêu dùng đã làm giảm cầu ở thị trường Hoa Kỳ và EU trong thời gian này.

Tại Trung Quốc, nước láng giềng của Việt Nam, thị trường nội địa trong giai đoạn 2019-2022 không có nhiều thay đổi với tỷ lệ lạm phát là 2,9% vào năm 2019, 2,49% vào năm 2020, nhưng hạ xuống thấp vào năm 2023, 2024 với các tỷ lệ lần lượt là 0,23 và 0,2 (Statista, 2025) do hưởng lợi nhất định từ cuộc xung đột Nga - Ukraine, bởi chuỗi cung ứng dầu khí và nguyên vật liệu giá rẻ liên tục từ Nga. Hoạt động xuất nhập khẩu chậm lại đã được ghi nhận trong giai đoạn 2020-2022 do chính sách Zero Covid. Cụ thể, xuất khẩu của Trung Quốc trước đại dịch ở mức trung bình hàng năm trên 3.500 tỷ USD; năm 2020 giảm xuống 2.730 tỷ USD và khôi phục lại mức tăng trưởng vào năm 2024 với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 3.580 tỷ USD; nhập khẩu đạt khoảng 2.590 tỷ USD; thặng dư thương mại đạt khoảng 992,16 tỷ USD (Macrotrends, 2025).

Phân tích tỷ lệ giá trị kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam với hai thị trường xuất nhập khẩu lớn nhất là Trung Quốc và Hoa Kỳ so với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cho thấy những điểm trái ngược nhau, khi Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất thì Trung Quốc lại là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam. Cụ thể, năm 2024 Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam với 15,3 % tổng giá trị xuất khẩu, sau Hoa Kỳ (29,2%) nhưng lại là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với 37,9% tổng giá trị nhập khẩu, gấp gần 10 lần so với tỷ lệ 4% nhập khẩu từ Hoa Kỳ (TCHQ, 2025). Chuỗi cung ứng từ Trung Quốc sang Việt Nam vô cùng quan trọng bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động chế xuất và xuất nhập khẩu của Việt Nam. Mặc dù đại dịch giai đoạn 2019-2022, hạn hán khắc nghiệt và lũ lụt lịch sử ở Trung Quốc vào năm 2022-

2023, trong 5 năm qua xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc tăng 47,8%; nhập khẩu từ Trung Quốc tăng gần gấp đôi, đạt trên 144 tỷ USD (Hình 2 và Hình 3) do nhu cầu thị trường và chuỗi cung ứng hầu như không bị gián đoạn nhờ lợi thế về địa lý và Logistics.

Tỷ lệ nhập khẩu so với tổng giá trị nhập khẩu năm 2024 từ các thị trường nhập khẩu Hàn Quốc, ASEAN và Nhật Bản lần lượt là 14,5%, 12,3% và 5,7%. Số liệu trong Hình 3 cho thấy chuỗi cung ứng cho Việt Nam từ các các nước trên đều có sự giảm nhẹ vào thời điểm đại dịch năm 2020 và sau khi nổ ra xung đột quân sự Nga-Ukraine năm 2023.

Tại Việt Nam, chỉ trong những tháng đầu tiên của đại dịch Covid-19, sự gián đoạn hoạt động nhập khẩu vào Việt Nam đã tác động đến chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả khảo sát nhanh gần 130.000 doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện vào cuối tháng 4 năm 2020 cho thấy, khoảng 86% doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19; doanh thu dự kiến trong 4 tháng đầu năm 2020 giảm mạnh xuống còn khoảng 70% so với cùng kỳ năm 2019; hơn 45% doanh nghiệp thiếu vốn sản xuất kinh doanh; nhiều doanh nghiệp buộc phải cắt giảm tiền lương và lao động; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh tăng 33,6% so với cùng kỳ năm 2019 (Hoàng, 2020). Ngoài ra, 83% doanh nghiệp đứng trước nguy cơ mất hoặc thu hẹp thị trường tiêu thụ; 45% doanh nghiệp mất chuỗi cung ứng nguyên vật liệu đầu vào; trong số các doanh nghiệp FDI, tỷ lệ bị thu hẹp thị trường và vốn lần lượt là 82,5% và 38,3% (VCCI, 2020).

Tác động của gián đoạn chuỗi cung ứng cũng được biểu hiện rất rõ qua tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2017-2025 (Bảng 1). Đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu trong đại dịch Covid-19 và do cuộc xung đột Nga-Ukraine dẫn đến thay đổi nhu cầu trên thị trường bên ngoài, hệ quả là tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu chỉ đạt 7% vào năm 2020, giảm 1,4% so với năm 2019; sau kỳ phục hồi năm 2021 với 19% đột ngột giảm sâu đến mức âm (-4,6%) vào năm 2023.

Chính sách bảo hộ thương mại cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến dòng chảy hàng hóa toàn cầu. Sự kiện Hoa Kỳ công bố biểu thuế đối ứng với trên 180 quốc gia và vùng lãnh thổ ngày 2 tháng 4 năm 2025 được xem như biến động lớn làm thay đổi thị trường quốc tế, đe dọa tính bền vững của chuỗi cung ứng toàn cầu, cản trở hoạt động thương mại quốc tế, làm chao đảo thị trường chứng khoán thế giới, nguy cơ dẫn đến suy thoái kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trên quy mô toàn cầu.

Đối với Việt Nam, trường hợp xấu nhất, nếu bị áp thuế 46%, tăng trưởng GDP có thể giảm 2-3 điểm % so với kịch bản không bị áp thuế (Dragon Capital, 2025). Những hệ lụy từ đứt gãy chuỗi cung ứng như gây biến động thị trường vốn và chứng khoán, cản trở dòng vốn FDI, gây gián đoạn sản xuất và mất việc làm tạm thời trong nhiều ngành chế xuất, nhất là các ngành xuất khẩu thâm dụng lao động của Việt Nam như dệt may, điện tử, gỗ và thủy sản. Những ngành hàng này sẽ chịu thiệt hại đáng kể do Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của các hàng hóa này của Việt Nam (Chu, 2025). Chỉ riêng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 119,6 tỷ USD, trong đó máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 23,2 tỷ USD; tiếp theo là máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng đạt 22,05 tỷ USD; hàng dệt may là 16,15 tỷ USD; điện thoại các loại và linh kiện đạt 9,82 tỷ USD; gỗ và sản phẩm gỗ là 9,06 tỷ USD (Bộ Tài chính, 2025). Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các cơ quan, hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp Việt Nam hữu quan đang thúc đẩy đối thoại cấp cao, đàm phán thuế với Hoa Kỳ, đồng thời khuyến cáo các giải pháp hỗ trợ giúp doanh nghiệp trong nước chuyển hướng thị trường, nâng cao chất lượng sản

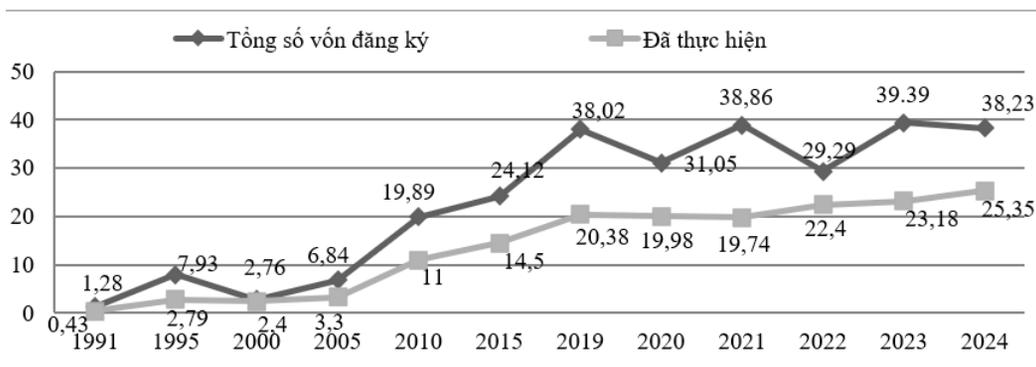
phẩm để duy trì khả năng cạnh tranh.

Nhìn chung, có thể thấy rõ các biến động xảy ra trên thế giới gây ra sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, dẫn đến suy thoái, rối loạn cung-cầu trên thị trường toàn cầu và ảnh hưởng rất lớn đến thương mại quốc tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam nói riêng.

#### 4.3 Tác động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến xuất nhập khẩu Việt Nam

Tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam phần lớn thuộc vào hoạt động của các doanh nghiệp FDI. Số liệu thống kê xuất khẩu giai đoạn 2013-2024 ở Bảng 1 cho thấy các doanh nghiệp FDI đóng góp rất lớn vào tổng kim ngạch xuất khẩu với tỷ trọng 61,3% vào năm 2013, tăng lên 71,8% vào năm 2020 và duy trì ở mức 71,3% trong năm 2024. Về giá trị nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI, năm 2013 đạt 74,44 tỷ USD, chiếm 56,4% so với tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam; đến năm 2024 đạt 240,7 tỷ USD, chiếm tỷ lệ 63,2%.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài gia tăng nhanh chóng. Lũy kế tính đến ngày 31/12/2025, cả nước có 42.002 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 502,8 tỷ USD, trong đó vốn thực hiện đạt gần 322,5 tỷ USD, tương đương 64,1% tổng vốn đầu tư đăng ký (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2025); tỷ lệ vốn FDI bình quân hàng năm so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2015-2023 là 17,2% (TCTK, 2023) (Bảng 3).



Hình 5. Tổng số vốn FDI đăng ký và đã thực hiện giai đoạn 1991- 2023 (tỷ USD)

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Một điểm đáng lưu ý là dòng vốn FDI vào Việt Nam giảm khi xuất hiện các cú sốc trên thế giới như đại dịch Covid-19, giảm từ 38,02 tỷ USD năm 2019 xuống 31,05 tỷ USD năm 2020 hay chiến tranh Nga-Ukraine ở Châu Âu, giảm từ 38,86 tỷ USD năm 2021 xuống 29,29 tỷ USD năm 2022. Như vậy, mặc dù cũng bị chi phối bởi đứt gãy chuỗi cung ứng, nhưng các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là các doanh nghiệp chế xuất thuộc các công ty xuyên quốc gia vẫn chiếm ưu thế cả về xuất khẩu lẫn nhập khẩu của Việt Nam, hay nói cách khác, xuất nhập khẩu Việt Nam phụ thuộc vào hoạt động của các doanh nghiệp FDI.

Bảng 2 cho thấy trong cơ cấu GDP, tỷ trọng của khu vực kinh tế có vốn FDI trong giai đoạn 2015-2022 có xu hướng gia tăng nhẹ, dao động trong khoảng 18% đến trên 20%.

**Bảng 2. Cơ cấu GDP trong nước giai đoạn 2015-2022 theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế (%)**

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Kinh tế Nhà nước	28,69	28,81	28,63	27,67	20,59	20,67	20,81	20,54
Kinh tế ngoài Nhà nước	43,22	42,56	41,74	42,08	50,55	50,56	50,20	50,46
Khu vực có vốn FDI	18,07	18,59	19,63	20,28	19,91	20,00	20,24	20,46
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	10,02	10,04	10,00	9,97	8,95	8,77	8,75	8,54

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

Trong khi đó, khu vực kinh tế nhà nước giảm dần, từ 28,6% vào năm 2015 xuống 20,5% năm 2022; khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng nhẹ và bình ổn ở mức bình quân 50,44%/năm trong giai đoạn 2019-2022. Trong cơ cấu vốn đầu tư giai đoạn 2015-2023 ghi nhận xu hướng tăng vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân, giảm nhẹ ở khu vực kinh tế nhà nước và khu vực có vốn FDI (Bảng 3). Tuy dòng vốn FDI đăng ký dao động vào năm 2020 như đã trình bày trong Hình 5, nhưng giá trị xuất khẩu của khu vực có vốn FDI vẫn tăng, từ 245,1 tỷ USD năm 2021 lên 289,2 tỷ USD năm 2024 (Bảng 1). Điều này lý giải bởi số vốn FDI được giải ngân cho các dự án FDI vẫn tăng đều trong giai đoạn này, từ 19,74 tỷ USD năm 2021 tăng dần lên 25,35 tỷ USD năm 2024 (Hình 5).

**Bảng 3. Cơ cấu vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội giai đoạn 2015-2023 theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế (%)**

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Kinh tế Nhà nước	31,7	30,5	28,2	26,0	24,1	26,2	24,8	25,8	27,9
Kinh tế ngoài Nhà nước	50,2	51,3	53,7	56,1	58,3	57,3	59,4	58,0	56,1
Khu vực có vốn FDI	18,1	18,2	18,1	17,9	17,6	16,5	15,8	16,2	16,0

*Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả*

Ngoài ra, chi tiêu cuối cùng gồm chi tiêu hộ gia đình, tổ chức phi lợi nhuận và chi tiêu của nhà nước, so với GDP có tỷ lệ cao, nhưng có xu hướng giảm dần. Cụ thể, tỷ lệ năm 2015, 2018, 2022 lần lượt là 74,29%, 66,83% và 63,72%, trong đó chi tiêu của nhà nước rất nhỏ, chiếm lần lượt 6,3%, 9,8% và 8,9% vào các năm này (TCTK, 2019; 2022). Điều này gợi ý về các giải pháp cho việc cân bằng hợp lý dòng vốn FDI, ổn định đầu tư của các khu vực kinh tế và khuyến khích chi tiêu cuối cùng nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng liên tục và ổn định.

## 5. Thảo luận và hàm ý chính sách

Các biến động trên thế giới được xem xét trong nghiên cứu này như đại dịch Covid-19 và cuộc xung đột Nga-Ukraine nổ ra tháng 2 năm 2022 vẫn đang tiếp diễn đều là các nguyên nhân gây đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, tác động trực tiếp đến các thị trường xuất nhập khẩu chính của Việt Nam. Hệ quả là, tuy giai đoạn 2015-2024, tăng trưởng bình quân xuất khẩu đạt khoảng trên 11%, nhưng ở thời điểm đại dịch năm 2020 chỉ đạt 7% và thậm chí tăng trưởng âm, giảm tới -4,6% vào năm 2022.

Ngoài ra, biểu thuế đối ứng của Hoa Kỳ áp lên hàng hóa nhập khẩu từ nhiều nước, trong đó có Việt Nam và cuộc chiến thuế quan giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc - hai thị trường xuất nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, có thể dẫn tới đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, tiềm ẩn những hệ lụy khó lường đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam và tăng trưởng GDP có thể giảm 2-3 điểm % so với kịch bản không bị áp thuế (Dragon Capital, 2025).

Sự phụ thuộc vào các doanh nghiệp FDI thể hiện ở tỷ lệ đóng góp của họ vào tổng giá trị xuất khẩu và dòng vốn FDI hàng năm. Tỷ trọng trung bình hàng năm của các doanh nghiệp FDI trong tổng kim ngạch xuất khẩu là 71,1%, gấp hai lần so với tỷ trọng này của các doanh nghiệp nội địa. Trong suốt giai đoạn 1991-2023 số vốn FDI đăng ký và giải ngân hàng năm đều theo xu hướng tăng. Tuy nhiên, thời điểm dịch bệnh, năm 2020 đạt 31,05 tỷ USD, giảm 18,04% so với năm 2019; tương tự, năm 2022 đạt 29,29 tỷ USD, giảm 24,6% so với năm 2021 (Hình 5). Như vậy, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do các biến động trên thế giới ở các thời điểm cũng gây ra sụt giảm nguồn vốn FDI vào Việt Nam với độ trễ nhất định, ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp FDI đang chi phối các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu của Việt Nam. Hơn nữa, các doanh nghiệp loại này cũng phụ thuộc vào các quyết định đầu tư của các công ty xuyên quốc gia khi thị trường toàn cầu biến động.

Từ đây kết luận rằng những biến động trên thế giới làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, gây ra những cú sốc trên thị trường, tác động trực tiếp đến xuất nhập khẩu và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, minh chứng cho giả thiết rằng xuất nhập khẩu của Việt Nam dễ bị tổn thương bởi sự gián đoạn chuỗi cung ứng do các biến động thị trường toàn cầu gây ra. Các giả thuyết H1 và H2 hoàn toàn được xác nhận. Điều này phù hợp với các công bố trước đó về tính hiệu quả cũng như sự phụ thuộc của xuất khẩu Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ và Trung Quốc của Chaponnière & Cling (2009) và về tính dễ tổn thương của xuất nhập khẩu Việt Nam do biến động của thị trường toàn cầu của Hoa & cộng sự (2024).

Ngoài ra, các phân tích cơ cấu GDP ở Bảng 2 và cơ cấu vốn đầu tư thực hiện theo khu vực kinh tế ở Bảng 3 cho thấy tỷ trọng của toàn bộ khu vực kinh tế có vốn FDI trong cơ cấu GDP. Cụ thể, năm 2022 trên 20%, tương đương tỷ trọng của khu vực kinh tế nhà nước và chỉ bằng 41% tỷ trọng của khu vực kinh tế ngoài nhà nước; tỷ trọng chi tiêu cuối cùng (so với GDP) của khu vực ngoài nhà nước cao gấp 11-12 lần so với chi tiêu khu vực nhà nước trong giai đoạn 2015-2023 (TCTK, 2018, 2023). Tương tự, theo cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội trong những năm 2018-2023, vốn đầu của khu vực ngoài nhà nước cao gấp hơn hai lần so với khu vực nhà nước và hơn ba lần so với khu vực có vốn FDI, đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế (TCTK, 2023).

Trong bối cảnh các biến động sâu rộng trên phạm vi toàn cầu, để thực hiện mục tiêu phát triển xuất nhập khẩu bền vững với cơ cấu cân đối, hài hoà, phát huy lợi thế cạnh tranh, phát triển thương hiệu hàng hoá Việt Nam, nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu như đã xác định trong “Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030” của Việt Nam, cần có những giải pháp cụ thể có thể giảm thiểu rủi ro và tính dễ tổn thương, giúp cải thiện và thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu.

*Thứ nhất*, cần thay đổi nhận thức của các doanh nghiệp về tính bền vững của chuỗi cung ứng và đặt ra yêu cầu đa dạng hóa hay tái cấu trúc thị trường mà bản chất của nó là

tìm nguồn cung ứng và tiêu thụ ở các khu vực địa lý khác nhau, bao gồm cả trong nước để đảm bảo tính liên tục và ổn định của chuỗi cung ứng cả nguyên liệu đầu vào và thị trường đầu ra, giảm bớt sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống như Mỹ, EU và Trung Quốc; tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết với các nước và nhóm nước, các ưu đãi và giảm thiểu thuế quan mà các hiệp định này đem lại để gia tăng kim ngạch xuất khẩu, tối đa hóa lợi nhuận.

*Thứ hai*, giảm chi phí và thời gian cho hoạt động xuất nhập khẩu bằng cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính và Logistics, đẩy nhanh chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả trong quản lý chuỗi cung ứng, xác thực xuất xứ hàng hóa, minh bạch hóa thông tin sản phẩm; cải thiện hạ tầng Logistics.

*Thứ ba*, đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại và chiến lược thay thế nhập khẩu. Điều này giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu chi phí sản xuất, vừa kích thích phát triển công nghiệp hỗ trợ và tăng số lượng các nhà cung cấp nội địa, tăng giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam, vừa bảo đảm nhu cầu tiêu dùng nội địa.

*Thứ tư*, thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như hỗ trợ tín dụng xuất khẩu; khuyến khích đầu tư vào các ngành xuất khẩu trọng điểm, hỗ trợ phát triển các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của đất nước và phát triển thương hiệu quốc gia thông qua các hội chợ thương mại, Marketing quốc tế và sự kiện quốc tế nhằm tăng giá trị thương hiệu cho các sản phẩm Việt Nam, từ đó mở rộng thị trường xuất khẩu.

*Thứ năm*, để tăng trưởng kinh tế ổn định và nâng cao tính bền vững của chuỗi cung ứng sản xuất, bảo đảm tính hiệu quả của hoạt động xuất nhập khẩu và giảm sự phụ thuộc của xuất nhập khẩu vào các yếu tố bên ngoài, trong đó có khu vực vốn FDI, cần có những biện pháp điều chỉnh nhu cầu nội địa theo hướng như khuyến khích tiêu dùng hộ gia đình và chỉ tiêu của chính phủ để đạt được tỷ trọng cao trong cơ cấu GDP, tăng tỷ trọng đầu tư của khu vực nhà nước và khuyến khích đầu tư tư nhân trong nước, lựa chọn và điều chỉnh dòng vốn FDI một cách hợp lý để giảm bớt sự phụ thuộc.

## **6. Kết luận**

Các vấn đề liên quan đến lý luận về chuỗi cung ứng và hoạt động xuất nhập khẩu cũng như các nghiên cứu trước đó đã được khái quát. Kết quả cho thấy xuất nhập khẩu của Việt Nam dễ bị tổn thương trước những gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt khi thị trường thế giới biến động. Điều này được thể hiện rõ qua hai thời điểm có tác động toàn cầu mạnh mẽ, đó là đại dịch Covid-19 giai đoạn 2020-2021 và xung đột Nga-Ukraine đầu năm 2022. Ngoài ra, sự phụ thuộc sâu vào các doanh nghiệp FDI cũng góp phần làm gia tăng mức độ ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu. Các giải pháp đóng góp vào việc nâng cao tính bền vững của chuỗi cung ứng, tăng giá trị đóng góp của xuất nhập khẩu và đẩy mạnh chiến lược thay thế nhập khẩu, định hướng tới nhu cầu thị trường nội địa và hướng tới ổn định tăng trưởng. Hạn chế của bài viết ở chỗ chỉ áp dụng phương pháp nghiên cứu thứ cấp, chưa có định lượng các yếu tố tổng hợp. Các vấn đề nghiên cứu giới hạn trong bối cảnh biến động thị trường bên ngoài.

## **Tài liệu tham khảo**

Advisen (2013), “The vulnerability of global supply Chains: the importance of resilien-

- cy in the face of systemic risk”, [https://www.advisen.com/pdf\\_files/global-supply-chain-vulnerability-aig-2013-09.pdf](https://www.advisen.com/pdf_files/global-supply-chain-vulnerability-aig-2013-09.pdf), truy cập ngày 27/03/2025.
- Azimzhan, K. (2024), “Recent developments in the global supply Chains”, *Eurasian Research Institute*, <https://www.eurasian-research.org/publication/recent-developments-in-the-global-supply-chains/>, truy cập ngày 28/03/2025.
- Beamon, B. (1998), “Supply Chain design and analysis: models and methods”, <http://www.damas.ift.ulaval.ca/~moyaux/coupfouet/beamon98.pdf>, truy cập ngày 06/04/2025.
- Belay, S. (2009), *Export-Import Theory, Practices, and Procedures*, 2-nd Edn, Routledge, 2009.
- Ben, H.T. & El, B.H. (2022), “Impacts of the Russia-Ukraine war on global food security: towards more sustainable and resilient food systems?”, *Foods* 2022, Vol. 11 No. 15, 2301.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025), “Báo cáo tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2024”, <https://ipc.s.mpi.gov.vn/bao-cao-tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-tai-viet-nam-nam-2024/>, truy cập ngày 06/04/2025.
- Bộ Tài chính (2025), “Nét nổi bật về xuất nhập khẩu năm 2024”, [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet\\_tin?dDocName=MOFUCM340932](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet_tin?dDocName=MOFUCM340932), truy cập ngày 15/04/2025.
- Bridgefield Group (2006), “Bridgefield group erp/Supply Chain (SC) glossary”, <http://bridgefieldgroup.com/bridgefieldgroup/glos7.htm#P>, truy cập ngày 06/04/2025.
- Chaponnière, J. & Cling, J. (2009), “Vietnam’s export-led growth model and competition with China”, *Économie Internationale*, Vol. 118, pp. 101-130.
- Chow, D., Heaver, T. & Henriksson, L. (1994), “Logistics performance: definition and measurement”, *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*, Vol. 24 No. 1, pp. 17-28.
- Chu, T.V. (2025), “Hoa Kỳ áp thuế đối ứng 46%: lo ngại đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu” *Vietnamplus*, <https://www.vietnamplus.vn/hoa-ky-ap-thue-doi-ung-46-lo-ngai-dut-gay-chuoi-cung-ung-toan-cau-post1025107.vnp>, truy cập ngày 15/04/2025.
- Công, P.T. (2011), “Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa vào xuất khẩu của Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Kinh doanh VNU*, Vol. 27, pp. 265-275.
- Dragon Capital (2025), “Chuyên gia của Dragon Capital: Mỹ áp thuế 46%, tỷ giá có thể không căng thẳng”, <https://vneconomy.vn/techconnect//chuyen-gia-cua-dragon-capital-my-ap-thue-46-ty-gia-co-the-khong-cang-thang.htm>, truy cập ngày 13/04/2025.
- Đặng, N.L. (2006), “Tiếp tục đổi mới chính sách xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2010”, *Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*, <http://thuvien.due.udn.vn:8080/dspace/bitstream/TVDHKT/13398/2/6215.pdf>, truy cập ngày 06/06/2025.
- Eurostat (2025), “Consumer prices - inflation”, <https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-ex->

- plained/index.php?title=Consumer\_prices\_-\_inflation, truy cập ngày 10/04/2025.
- Fischer, S. (2003), “Globalization and its challenges”, *American Economic Review*, Vol. 93 No. 2, pp. 1-30.
- Hoa, N.T.X., Ngoc, T.T.B., Binh D.T, Lam, T.S. & Anh, D.T.P. (2024), “Combining export-and domestic demand-led growth hypotheses: key sustainable development amidst global dynamics”, *HighTech and Innovation Journal*, Vol. 5 No. 2, pp. 282-294.
- Hoàng, N. (2020), “Cộng đồng doanh nghiệp đã và đang nêu cao tinh thần vượt khó, thích ứng với tình hình mới”, <https://baochinhphu.vn/print/cong-dong-doanh-nghiep-da-va-dang-neu-cao-tinh-than-vuot-kho-thich-ung-voi-tinh-hinh-moi-102272391.htm>, truy cập ngày 13/04/2025.
- Hong, L.J., Li, J., Wu, X.& Yi, S. (2025), “Future research of supply chain resilience: Network perspectives and incorporation of more stakeholders”, *Fundamental Research*, Vol. 5 No. 2, pp. 486-495.
- Jeff, C. (2025), “Goldman Sachs sees Trump tariffs spiking inflation, stunting growth and raising recession risks”, <https://www.cnn.com/2025/03/30/tariffs-to-spike-inflation-stunt-growth-and-raise-recession-risks-goldman-says-.html>, truy cập ngày 05/04/2025.
- Kanike, U. (2023), “Factors disrupting supply Chain management in manufacturing industries”, *Journal of Supply Chain Management Science*, Vol. 4 No. 12, pp. 1-24.
- Kozlenkova, I.V., Irina, G., Tomas, M.H., Donald, J.L., Jeannette, A.M. & Pinar, K. (2015), “The role of marketing channels in supply Chain management”, *Journal of Retailing*, Vol. 91 No. 4, pp. 586-609.
- Lazaro, G. (2025), “Reciprocal’ tariffs: see which countries have the highest rates”, <https://www.nytimes.com/2025/04/02/business/economy/trump-tariffs-chart.html>, truy cập ngày 05/04/2025.
- Lê, P. (2025), “U.S. Imposes Global Reciprocal Tariffs: Impact and Reactions”, *Vietnam Logistic Review*, <https://vlr.vn/u-s-imposes-global-reciprocal-tariffs-impact-and-reactions-20259.html>, truy cập ngày 06/04/2025.
- Macrotrends (2025), “China exports 1960-2025”, <https://www.macrotrends.net/global-metrics/countries/chn/china/exports>, truy cập ngày 12/04/2025.
- Matthew, V.G. & Todd, E.C. (2023), “The Impacts of Supply Chain Disruptions on Inflation. Economic Commentary”, <https://www.clevelandfed.org/publications/economic-commentary/2023/ec-202308-impacts-supply-chain-disruptions-on-inflation>, truy cập ngày 10/04/2025.
- Noble, P.J. (2022), “The Ukraine-Russia War’s Impact On The Supply Chain: Why MRO Optimization Is A Top Priority”, <https://www.forbes.com/sites/paulnoble/2022/05/12/theukraine-russia-wars-impact-on-the-supply-chain-why-mro-optimization-is-a-toppriority/?sh=697006cc6d2e>, truy cập ngày 28/03/2025.
- Shreyans, S. & Abhishek, M. (2024), “International business management: supply Chain

- management & export/import trading: a key aspect”, *International Journal of Novel Research and Development*, Vol. 9 No. 4, pp. 376-385.
- Statista (2025), “Inflation rate in China from 2012 to 2024 with forecasts until 2029”, <https://www.statista.com/statistics/270338/inflation-rate-in-china/>, truy cập ngày 12/04/2025.
- Tổng cục Hải Quan (2025), “Thống kê Hải quan”, cập nhật đến 4/2025, <https://www.customs.gov.vn/index.jsp?pageId=3521>, truy cập ngày 13/04/2025.
- TCTK (2018), *Niên giám Thống kê*, NXb Thống kê, Hà Nội.
- TCTK (2021), *Niên giám Thống kê*, NXb Thống kê, Hà Nội.
- TCTK (2022), *Niên giám Thống kê*, NXb Thống kê, Hà Nội.
- TCTK (2023), *Niên giám Thống kê*, NXb Thống kê, Hà Nội.
- UNCTAD (2013), “Global supply Chains: trade and economic policies for developing countries”, *Study Series*, No. 55, [https://unctad.org/system/files/official-document/itcdtab56\\_en.pdf](https://unctad.org/system/files/official-document/itcdtab56_en.pdf), truy cập 06/04/2025.
- sGrzybowska, K. & Stachowiak, A. (2022), “Global changes and disruptions in supply Chains preliminary research to sustainable resilience of supply Chains”, *MPDI Energies*, 15, 4579.
- Inflation Calculator (2024), “Current US Inflation Rates: 2000-2024”, <https://www.usinflationcalculator.com/inflation/current-inflation-rates/>, truy cập ngày 10/04/ 2025.
- VCCI (2020), “Rapid Assessment Report: the impact of Covid-19 pandemic on labour and employment in enterprises in Vietnam”, <https://api.fairwear.org/wp-content/uploads/2020/05/VCCI-Rapid-Asessment-report-16.4-Final-EN.pdf>, truy cập ngày 13/04/2025.